TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 05/2018/DS-PT.
Ngày 16 -3- 2018.
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán: 1.Ông Lý Thành Lê.

2.Bà Lê Thúy Cầu.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan .

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum:*** Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnhKxét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 (thụ lý mới số 03/2018/TLPT- DS ngày 02/10/2018) về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/ 2017/ DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phốKbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:174/2018 /QĐ - PT ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ng L, sinh năm 1960.

Trú tại: 08 Bùi Thị Xuân, thành phố K, tỉnh K(có mặt).

Địa chỉ L lạc: 117 Phan Chu Trinh, thành phố K, tỉnh K.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T L, sinh năm 1976.

Trú tại: 526 Hùng Vương, thành phố K, tỉnh K.

Địa chỉ L lạc: 140 Lương Thế Vinh, phường Nguyễn Trãi, thành phố K, tỉnh K(vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Phạm Ng Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 3, xã Jakring, thành phố P, tỉnh G (có mặt).

7. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T L – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18-6-2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ng L trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

"Giữa tôi và chị Nguyễn Thị T L trước đây có quan hệ quen biết và làm ăn với nhau, tôi có cho chị Nguyễn Thị T L mượn tiền nhiều lần để đáo hạn ngân hàng và chị T L có trả nợ cho tôi, riêng số tiền 250.000.000 đồng mà chị T L mượn của tôi vào ngày 29-8-2016 thì chị T L chưa trả mặc dù tôi đã đòi nhiều lần.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T L trả cho tôi số tiền gốc là 250.000.000 đồng, đối với tiền lãi do trước đây không có ghi lãi xuất vào giấy mượn tiền nên tôi không yêu cầu trả lãi.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà chị T L chuyển vào tài khoản của tôi vào ngày 12-01-2017 là trả cho khoản vay khác, cụ thể là khoản vay theo giấy mượn tiền ngày 14-7-2015 chứ không phải chị T L trả cho khoản tiền mượn 250.000.0000 đồng và cho tôi mượn 250.000.000 đồng như chị T L đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án".

Tại các văn bản trình bày ý kiến ngày 12-9-2017, ngày 28-7-2017 của chị Nguyễn Thị T L cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày:

"Chị Nguyễn Thị T L và chị Nguyễn Thị Ng L có quan hệ quen biết và thường xuyên cùng làm dịch vụ đáo hạn Ngân hàng với nhau từ năm 2014 đến tháng 5/2017 nên thường mượn tiền qua lại của nhau. Các lần mượn tiền và trả tiền được thực hiện bằng hình thức giao tiền mặt hoặc chuyển khoản qua Ngân hàng. Trường hợp trả tiền mặt thì hai bên sẽ gạch sổ hoặc lấy lại giấy mượn tiền, trường hợp chuyển khoản thì sẽ lưu lại Ủy nhiệm chi của Ngân hàng còn bên được trả tiền sẽ hủy giấy mượn tiền của bên kia.

Nay chị Nguyễn Thị Ng L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T L trả số tiền 250.000.000 đồng mượn ngày 29-8-2016 chị T L không đồng ý vì lý do vào ngày 12-01-2017 chị T L có chuyển vào tài khoản của chị Ng L số tiền 500.000.000 đồng, trong đó trả nợ 250.000.000 đồng và cho chị Ng L mượn 250.000.000 đồng. Do đã trả xong số tiền 250.000.000 đồng và đang giữ chứng từ chuyển tiền cho chị T L cũng như tin tưởng chị Ng L nên chị T L quên lấy lại giấy mượn tiền gốc ngày 29-8-2016. Nay chị T L khẳng định đã trả số tiền 250.000.000 đồng nên không còn nợ nần gì chị Ng L và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật".

Với các tình tiết nêu trên, tại bản án số 12/ 2017/ DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2017, Toà án nhân dân thành phốKđã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 290; Điều 315; Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử: Chấp đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng L, đơn đề ngày 18-6-2017 và được thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

Buộc chị Nguyễn Thị T L phải trả cho chị Nguyễn Thị Ng L số tiền là: 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi chậm thi hành án, án phí, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 18/10/2017, bị đơn – chị Nguyễn Thị T L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K có ý kiến:

"Về kháng cáo của đương sự: Viện kiểm sát thấy, kháng cáo của các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chủ thể, thủ tục và thời hạn kháng cáo.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Viện kiểm sát thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại điều 70, điều 71, điều 72, điều 73, điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân tỉnhKnhư sau:

- Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có khoản vay nợ 250.000.000đ giữa nguyên đơn và bị đơn vào ngày 29/8/2016 nhưng nguyên đơn thì cho rằng bị đơn chưa trả khoản tiền vay 250.000.000đ này, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy mượn tiền ngày 29/08/2016 bản gốc do bị đơn viết và ký mượn tiền.

- Bị đơn T L cho rằng ngày 12/01/2017 bị đơn đã chuyển khoản vào tài khoản của nguyên đơn 500,000,000đ để trả khoản nợ 250.000.000đ bị đơn mượn ngày 29/8/2016 đồng thời cho nguyên đơn mượn 250.000.000đ và cung cấp Toà án cấp sơ thẩm là bản phô giấy ủy nhiệm chi của ngân hàng *(bút lục 11)*. Tuy nhiên nguyên đơn không thừa nhận khoản tiền 500,000,000đ bị đơn chuyển khoản là để trả khoản nợ 250.000.000đ bị đơn mượn ngày 29/8/2016 đồng thời cho nguyên đơn mượn 250.000.000đ như bị đơn trình bày mà xác định: ngày 12/01/2017 bị đơn chuyển vào tài khoản của nguyên số tiền là 500.000.000đ nhưng để trả khoản nợ theo giấy mượn tiền ngày 14/7/2015; Nguyên đơn còn cung cấp cho Toà án cấp sơ thẩm giấy mượn tiền ngày

14/7/2015 *(bản gốc)* với số tiền bị đơn vay nguyên đơn là 550.000.000đ để chứng minh lời trình bày của mình *(bút lục 21)*.

- Bị đơn khai: cũng vì tin tưởng nguyên đơn Ng L nên bị đơn T L quên lấy lại giấy gốc mượn tiền ngày 29/8/2016 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Như vậy bị đơn cũng không chứng minh được lời trình bày của mình là sự thật.

Mặc dù việc cho vay tiền, trong giấy vay không ấn định thời điểm trả nợ nhưng trước khi khởi kiện, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi nợ là phù hợp với khoản 1 điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 250.000.000 đồng tiền vay vào ngày 29/8/2016 của nguyên đơn là có cơ sở, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 250.000.000 là đúng pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ thời điểm khởi kiện đến ngày xét xử vụ án. Xét thấy các bên đều thừa nhận vay có lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất trong hợp đồng nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 2 Điều 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN áp dụng từ ngày 01/12/2010 lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng) để tính lãi trên số nợ gốc tính từ ngày khởi kiện (18/6/2017) đến ngày xét xử (11/10/2017) là 3 tháng 23 ngày để buộc bị đơn T L phải trả lãi cho nguyên đơn Ng L là 7.062.500đ (250.000.000đ x 0,75%/ tháng x 03 tháng 23 ngày = 7.062.500đ) là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật T tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T L, giữ nguyên Bản án số 12/2017/DS-ST ngày 11/10/2017 của TAND thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ng L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị T L phải trả khoản nợ 250.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 29-8-2016 và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn – chị Nguyễn Thị T L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị T L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 19/8/2016, chị Nguyễn Thị T L có vay của bà Nguyễn Thị Ng L số tiền 250.000.000 đồng. Chị T L có viết giấy vay tiền của bà Ng L. Ngày 12/01/2017, chị Nguyễn Thị T L chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Ng L số tiền 500.000.000 đồng thông qua tài khoản của bà Ng L tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Gia Lai. Chị T L trình bày là để trả khoản nợ 250.000.000 đồng ngày 19/8/2016 và cho bà Ng L vay 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ng L phủ nhận mà cho rằng đây là số tiền chị T L trả cho khoản vay 550.000.000 đồng ngày 14-

7-2015. Mặc dù người đại diện theo ủy quyền của chị T L là anh Phạm Ngọc Q không công nhận việc chị T L có nợ bà Ng L khoản tiền này nhưng bà Ng L cung cấp bản gốc giấy mượn tiền ngày 14/7/2015 do chị Nguyễn Thị T L viết có ghi nội dung chị T L vay bà Ng L 550.000.000 đồng. Việc bà Ng L cho rằng bà chỉ đòi 500.000.000 đồng mà không đòi 50.000.000 đồng còn lại là do chị T L đã trả 50.000.000 đồng. Mặc dù chị T L không công nhận việc đã trả 50.000.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng đòi nợ bao nhiêu là quyền của chủ nợ. Chị T L trình bày trong số tiền 500.000.000 đồng chuyển khoản cho bà Ng L ngày 12/01/2017 là có thêm 250.000.000 đồng cho bà Ng L vay thêm. Tuy nhiên, bà Ng L không công nhận có việc bà vay thêm khoản tiền này, chị T L không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị T L. Như vậy, không có căn cứ thể hiện chị T L đã trả cho bà Ng L khoản tiền vay 250.000.000 đồng theo giấy vay ngày 19/8/2016 nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng L là có cở sở. Do đó, kháng cáo của bị đơn – chị Nguyễn Thị T L không có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ng L yêu cầu khoản tiền lãi theo pháp luật và cấp sơ thẩm đã căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để tính lãi suất, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 7.025.000 đồng tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về án phí: Vì nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị T L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo đề ngày 18/10/2017 của bị đơn – chị Nguyễn Thị T L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 290; Điều 315; Điều 471; Điều 474 và Điều 477 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Ng L, đơn đề ngày 18-6-2017 và được thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

Buộc chị Nguyễn Thị T L phải trả cho bà Nguyễn Thị Ng L số tiền là: 257.062.500 đồng (*Hai trăm năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng).*(Trong đó, 250.000.000 đồng là tiền nợ gốc và 7.062.500 đồng tiền lãi)".

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị Ng L có đơn yêu cầu thi hành mà chị Nguyễn Thị T L chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 148 Bộ luật T tụng dân sự 2015, Điều 6, Điều 18, Điều 19, khoản 1 Điều 24, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị T L phải chịu 12.853.125 đồng *(Mười hai triệu, tám trăm năm mươi ba ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng L 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000624 ngày 03-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K(Do anh Nguyễn Văn Tiến nộp thay).

Chị Nguyễn Thị T L phải chịu 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000898 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh K. Chị T L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3.Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/3/2017).

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND TP Kon Tum;
- Chi cục THADS TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyên.